

Số: 11/CBTT-MHP

Việt Trì, ngày 14 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì

Mã chứng khoán: MHP

Trụ sở chính: Số 2181 Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210 3846320

Fax: 0210 3810248

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Quang Quân

Địa chỉ: Số 2181 Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0210 3846320

Fax: 0210 3810248

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì công bố thông tin về việc Báo cáo thường niên năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại:

<https://viettriurengo.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện công bố thông tin



Trần Quang Quân

Phụ lục IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VIỆT TRÌ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-MHP/KTTV.

Việt Trì, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty bằng Tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VIỆT TRÌ
- Tên tiếng Anh : Viet Tri Environment and Service Joint Stock Company
- Trụ sở chính : Số nhà 2181, Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Vốn điều lệ theo ĐKDN : 35.831.402.403 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 35.831.402.403 đồng
- Điện thoại : (0210) 3846320
- Fax : (0210) 3846344
- Website : Viettriurencovn
- Mã cổ phiếu : MHP
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Quang Quân
- Chức vụ : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
- Giấy chứng nhận ĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 2600116056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23/05/2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 15/09/2020.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Quét, thu gom, xử lý rác thải các loại (Mã ngành 3881;3812);
 - Quản lý, duy tu, cải tạo hệ thống thoát nước đô thị (Mã ngành 43221);
 - Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống điện chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao



- thông thành phố (Mã ngành 43210);
- Quản lý vỉa hè và duy tu trật tự đô thị;
 - Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ (Mã ngành 96320);
 - Quản lý, cải tạo, duy tu đường trong thành phố;
 - Quản lý, trồng, chăm sóc, kinh doanh hoa cây cảnh, cây xanh, cây môi trường (Mã ngành 01183);
 - Thi công xây dựng, sửa chữa công trình giao thông, công nghiệp, điện, dân dụng, thủy lợi; thi công san vườn, lắp đặt Trang thiết bị nội ngoại thất (Mã ngành 42900, 42102, 43900);

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

2. Quá trình hình thành, phát triển

Tiền thân Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì là Công ty Quản lý nhà đất và đô thị Việt Trì.

Ngày 07/12/2005, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3340/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị thực tế doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính Phủ, ngày 30/12/2005, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3669/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì thành Công ty cổ phần.

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Việt Trì thực hiện đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long với tổng số lượng cổ phần chào bán là 192.088 cổ phần, chiếm 22,46% vốn điều lệ, tuy nhiên đợt đấu giá không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham dự.

Ngày 27/04/2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/4/2006 về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần tại CTCP Môi trường đô thị Việt Trì, theo đó số lượng cổ phần chào bán đấu giá lần thứ 2 được điều chỉnh là 27.912 cổ phần, chiếm 4%/vốn điều lệ, Công ty tiếp tục thực hiện chào bán đấu giá thông qua Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long, đợt đấu giá bán cổ phần lần 2 không thành công do chứng thư định giá hết hạn.

Ngày 06/05/2006, CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

Ngày 23/05/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000397 cho CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì với vốn điều lệ ban đầu là 8.551.760.443 đồng; cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 15/09/2020 với vốn điều lệ là 35.831.402.403 đồng.

Ngày 28/06/2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1567/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần và duyệt chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí đào tạo lại lao động và giá trị cổ phần mua ưu đãi tại CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, theo đó Công ty tiếp tục được điều chỉnh cơ cấu cổ phần, duyệt chi phí cổ phần hóa, chi phí đào tạo lại và giá trị cổ phần mua ưu đãi.

Từ năm 2008 đến năm 2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành thêm 05 quyết định về việc điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần tại CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, lý do điều chỉnh:

+ Ngày 12/11/2009: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 1.188.000.000 đồng do ngân sách nhà nước cấp để mua sắm 02 xe cuốn ép rác phục vụ hoạt động dịch vụ đô thị; vốn điều lệ sau khi điều chỉnh là 9.448.760.443 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 74,86% vốn điều lệ (*Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 12/11/2009 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

+ Ngày 03/02/2012: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 2.240.142.000 đồng do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện mua sắm và tăng tài sản cố định, tăng nguồn vốn kinh doanh; vốn điều lệ sau khi điều chỉnh là 11.688.902.443 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 79,67% vốn điều lệ (*Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

+ Ngày 27/12/2014: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 3.860.808.500 đồng do ngân sách nhà nước cấp để đầu tư mua sắm tài sản phục vụ hoạt động đô thị, đầu tư mua sắm tăng TSCĐ, tăng vốn kinh doanh; vốn điều lệ sau khi điều chỉnh là 15.549.710.943 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 84,72% vốn điều lệ (*Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

+ Ngày 25/07/2017: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 19.621.586.460 đồng do ngân sách nhà nước đầu tư các thiết bị và phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải bao gồm 11 xe vận chuyển rác và 1.000 xe gom rác đẩy tay bằng nguồn vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng ngân sách tỉnh với giá trị quyết toán công trình hoàn thành là: 19.621.586.460 đồng, Công ty đã nhận bàn giao số tài sản trên đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh ghi tăng tài sản, tăng vốn góp của chủ sở hữu; tăng vốn kinh doanh; vốn điều lệ sau khi tăng là 35.171.297.403 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 93,25% vốn điều lệ (*Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

+ Ngày 14/09/2020, vốn điều lệ điều chỉnh thêm 660.105.000 đồng do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ điều chỉnh theo đó vốn điều lệ của Công ty là 35.831.402.403 đồng; Cơ cấu cổ phần: nhà nước sở hữu 3.345.561 cổ phần, chiếm 93,37%/VĐL (*Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 về việc phê duyệt vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần của CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì*).

Ngày 16/10/2020, CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 6200/UBCK-GSĐC.

Ngày 28/10/2020, CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 65/2020/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 3.583.140 cổ phiếu.

3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Chứng khoán đăng ký giao dịch: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: MHP
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 3.583.140 (*Ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn một trăm bốn mươi*) cổ phiếu.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài:

➤ Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%

➤ Tại thời điểm 09/10/2020, số lượng cổ phần của Công ty do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ Công ty.

4. Quá trình tăng/giảm vốn.

Kể từ thời điểm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì (Công ty) từ tháng 23/05/2006, Công ty được UBND tỉnh Phú Thọ tăng/giảm vốn do được cấp vốn từ ngân sách Nhà nước từ năm 2005 đến năm 2020 để mua sắm tài sản và nâng cấp trang thiết bị cụ thể như sau:

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng/giảm	Vốn điều lệ tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
Lần đầu Ngày 23/05/2006			8.551.760.443	NNCPH	- Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 7/12/2005 v/v phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước; - Quyết định số 3669/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 v/v phê duyệt phương án và chuyển Công ty thành CTCP; - Giấy chứng nhận ĐKKD lần

					đầu số 1803000397 ngày 23/5/2006;
Lần 1 Ngày 24/4/2006	8.551.760.443	(291.000.000)	8.260.760.443	NNCPH	- Quyết định số 1183/QĐ- UBND ngày 27/4/2006 v/v điều chỉnh cơ cấu cổ phần; - Quyết định số 2624/QĐ- UBND ngày 19/9/2006 v/v điều chỉnh cơ cấu cổ phần; - Quyết định số 1567/QĐ- UBND ngày 28/06/2007 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần;
Lần 2: Ngày 12/11/2009	8.260.760.443	1.188.000.000	9.448.760.443	Ngân sách nhà nước cấp	Quyết định số 3842/QĐ- UBND ngày 12/11/2009 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần. (**)
Lần 3: Ngày 03/02/2012	9.448.760.443	2.240.142.000	11.688.902.443	Ngân sách nhà nước cấp	Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều



					lệ, cơ cấu cổ phần (**)
Lần 4: Ngày 27/12/2014	11.688.902.443	3.860.808.500	15.549.710.943	Ngân sách nhà nước cấp	Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần (**)
Lần 5: Ngày 25/07/2017	15.549.710.943	19.621.586.460	35.171.297.403	Ngân sách nhà nước cấp	- Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần - Giấy ĐKKD số 2600116056 thay đổi lần thứ 3 ngày 07/02/2020
Lần 6: Ngày 14/09/2020 (*)	35.171.297.403	660.105.000	35.831.402.403	Ngân sách nhà nước cấp	- Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 14/09/2020 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần. - Chứng thư thẩm định giá

				số 460-20/CT- ĐG/VAE ngày 7/9/2020; - Biên bản làm việc ngày 11/8/2020 của Sở Tài chính Phú Thọ, Văn phòng UBND, Sở KH&ĐT Tỉnh Phú Thọ, UBND Thành phố Việt Trì; - Giấy ĐKKD số 2600116056 thay đổi lần thứ 5 ngày 15/09/2020
--	--	--	--	--

(*) Do đặc thù Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích nên các lần tăng vốn đều được cấp từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước. Theo đó, Quyết định 2439/QĐ-UBND ngày 14/09/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần tại Công ty, vốn điều lệ của Công ty là: 35.831.402.403 đồng, bằng 3.583.141 cổ phần. Trong đó: Nhà nước sở hữu: 3.345.561 cổ phần; cổ đông khác sở hữu 237.580 cổ phần.

Ngày 15/9/2020, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ đã thực hiện điều chỉnh đăng ký kinh doanh của Công ty lần thứ 5, với số vốn điều lệ là 35.831.402.403 đồng và tổng số cổ phần đã điều chỉnh của Công ty là 3.583.140 cổ phần.

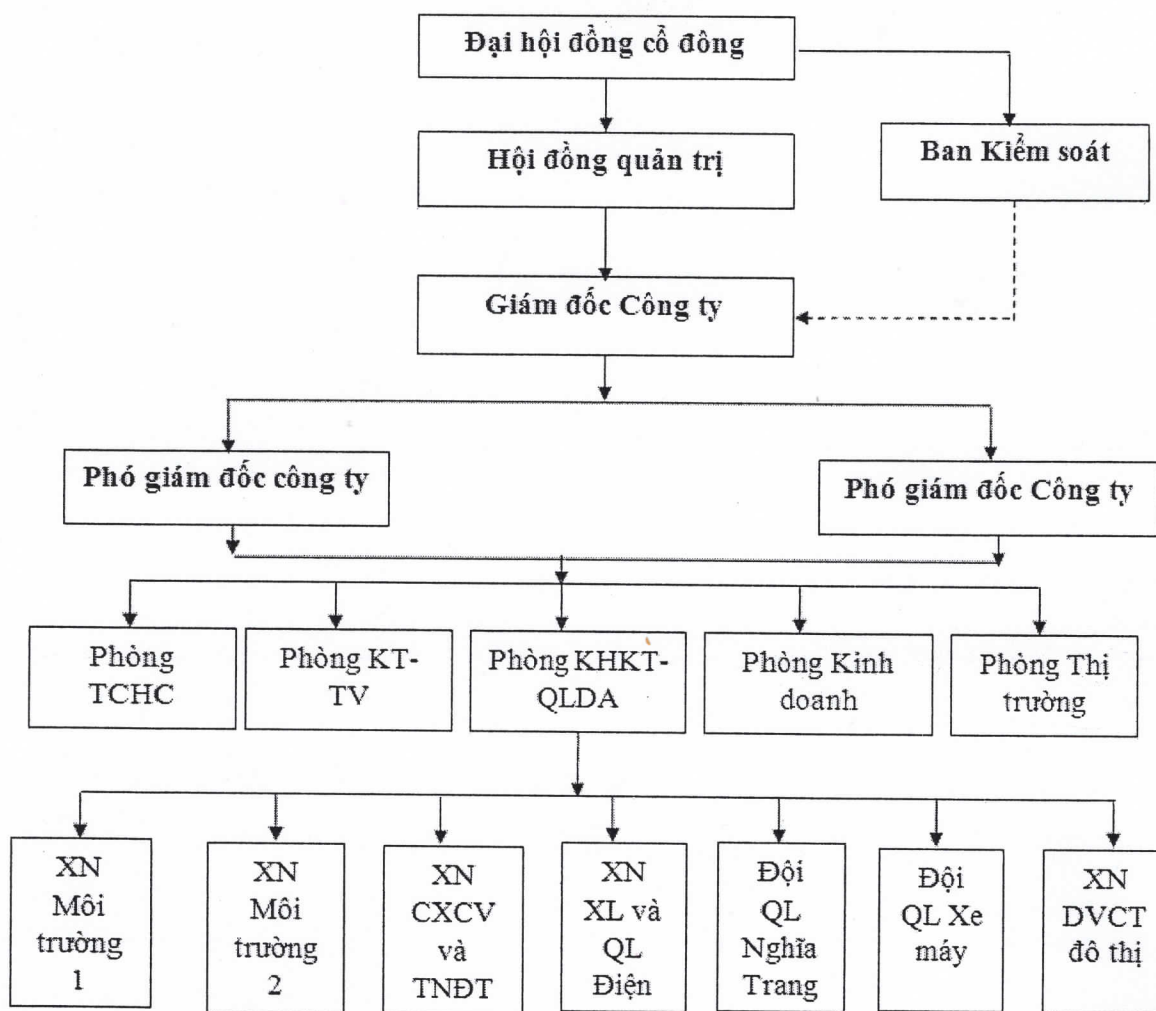
Theo quy định tại Điều 110 Luật doanh nghiệp 2014, “*Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần*” và hiện tại điều lệ của Công ty và hồ sơ đăng ký kinh doanh quy định mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Theo đó, Công ty xác định: Tổng số cổ phần đã phát hành của công ty là: 3.583.140 cổ phần (làm tròn xuống), trong đó: *Cổ phần Nhà nước: 3.345.560 cổ phần; Cổ phần của các cổ đông khác: 237.580 cổ phần.*

Hiện thông tin về số lượng cổ phần đang lưu hành đã thể hiện trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tài chính kiểm toán cho chu kỳ kế toán từ 1/1/2020 đến 30/9/2020 như sau: Tổng số cổ phần đã phát hành của công ty là: 3.583.140 cổ phần, trong đó: Nhà nước sở hữu: 3.345.560 cổ phần; các cổ đông khác sở hữu: 237.580 cổ phần.

(**) Công ty có 03 lần tăng vốn theo Quyết định của UBND Tỉnh Phú Thọ nhưng tại thời điểm đó không thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận ĐKKD.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp).



Cơ cấu tổ chức của Công ty xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã tổ chức bộ máy chức năng nhiệm vụ và có trách nhiệm quyền hạn cụ thể như sau:

✦ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, thời hạn hoạt động, giải thể Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm Hội đồng quản trị.

✚ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan điều hành Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định những vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

✚ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Vai trò là thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông.

✚ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

✚ **Phó Giám đốc**

Các Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

✚ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

- Quản lý và lưu trữ hồ sơ của Cán bộ công nhân viên;
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác tổ chức cán bộ, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động;
- Tổ chức nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, quy chế tổ chức, quy chế tiền lương, tiền thưởng v.v...
- Xây dựng và quản lý hệ thống định mức lao động, đơn giá tiền lương của Công ty và triển khai thực hiện sau khi được duyệt;

- Kiểm tra các đơn vị thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, tình hình chấp hành luật lao động;
- Giải quyết các thủ tục về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, giám định khả năng lao động;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động. Kiểm tra công tác An toàn lao động;
- Vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đối với các đơn vị trực thuộc;
- Quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu. Thực hiện công tác lưu trữ tài liệu theo quy định. Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cơ quan, thực hiện phòng cháy chữa cháy và tham gia an ninh quốc phòng với chính quyền địa phương

✚ Phòng Kế hoạch – Tài vụ

- Phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Theo dõi tình hình biến động và số hiện có về các loại vốn bằng tiền, tài sản, vật tư, và nguồn hình thành tài sản của Công ty;
- Phân tích các số liệu hạch toán kế toán và đề xuất các biện pháp tối ưu nhằm giúp lãnh đạo đề ra những quyết định đúng cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức hạch toán theo từng phần hành kế toán nhằm theo dõi chi tiết mọi nguồn vốn phát sinh của Công ty;
- Phối hợp với các phòng ban nghiên cứu quy trình lập, luân chuyển chứng từ kế toán một cách hợp lý phục vụ cho công tác hạch toán kế toán đồng thời tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ kế toán đảm bảo đầy đủ, cẩn trọng theo đúng quy định của Luật kế toán;
- Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết các phần hành để lập báo cáo tài chính một cách chính xác kịp thời. Đảm bảo phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cuối mỗi kỳ kế toán (thường là quý, năm). Thực hiện nộp báo cáo tài chính đúng theo qui định;
- Tổ chức công tác đối chiếu, đôn đốc thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, giảm thiểu tối đa vốn bị chiếm dụng, tăng khả năng thanh toán nhanh bằng tiền của Công ty;
- Nghiên cứu và áp dụng các văn bản pháp luật mới về công tác kế toán,

thống kê đảm bảo đúng quy định của nhà nước.

✚ **Phòng Kế hoạch kỹ thuật – Quản lý dự án**

- Lập hồ sơ đấu thầu và chỉ định thầu các dự án;
- Lập phương án kỹ thuật thi công, bên cạnh đó phối hợp, chỉ đạo các đơn vị thi công công trình thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, mỹ thuật đồng thời đảm bảo tiến độ dự án;
- Tổ chức nghiệm thu khối lượng cho các đơn vị thi công;
- Lập hồ sơ hoàn công các dự án được giao chỉ đạo thi công;
- Thực hiện giám sát thi công, thiết kế thi công khi có hợp đồng với khách hàng trong chức năng của Công ty

✚ **Phòng kinh doanh**

- Phát triển lợi thế ngành nghề kinh doanh của Công ty, tìm hiểu thị trường, tổ chức quảng cáo, tiếp thị. Tìm kiếm việc làm, theo dõi hợp đồng dịch vụ với các đơn vị, tổ chức, cá nhân nhằm tăng doanh thu và việc làm cho Công ty.
- Soạn thảo các hợp đồng dịch vụ được phép kinh doanh.

✚ **Phòng Thị trường**

- Tổ chức quảng cáo, tiếp thị các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu với Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng dịch vụ như:
 - + Vận chuyển rác thải, phế thải các loại; vận chuyển nước, phun nước rửa đường; trồng, chăm sóc cây xanh môi trường, hoa cây cảnh.
 - + Dịch vụ dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa, văn phòng của các cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân;
 - + Kinh doanh dịch vụ giải khát, vui chơi giải trí, hoa cây cảnh;
- Quản lý Công viên, Quảng trường, trông giữ xe ô tô, xe máy.
- Các dịch vụ khác theo chức năng hoạt động của Công ty.

✚ **Các xí nghiệp**

- Xí nghiệp Cây xanh công viên và thoát nước đô thị;
- Xí nghiệp Môi trường 1;

- Xí nghiệp Môi trường 2;
- Xí nghiệp Quản lý và Xây lắp điện;
- Đội Quản lý Nghĩa Trang;
- Đội Quản lý Xe máy;
- Xí nghiệp Dịch vụ Công trình đô thị.

* Các công ty con, công ty liên kết (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết: Không có

6. Định hướng phát triển

6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Mở rộng ngành nghề, địa bàn kinh doanh;
- + Nâng cao doanh thu của công ty để có lợi nhuận cao;
- + Nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên;
- + Tiến tới là công ty làm chủ đầu tư đa lĩnh vực đa ngành nghề trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

a. Công tác quản trị, quản lý, tổ chức, lao động:

Quy hoạch và xây dựng đội ngũ kế cận Hội đồng quản trị có năng lực quản trị tốt; thiết lập (các) tiểu ban trực thuộc HĐQT hỗ trợ tối đa công tác tham mưu cho các thành viên HĐQT, thành viên chuyên trách/độc lập.

Trên cơ sở cán bộ công nhân viên hiện trạng, cần sắp xếp, quản lý hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tăng cường giám sát năng lực thực thi nhiệm vụ và năng lực giải trình của Ban điều hành và đội ngũ cán bộ chủ chốt Công ty trong triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành. Công ty tiến hành rà soát lại tính chất công việc của từng ngành, nghề, xây dựng lại định mức đảm bảo phù hợp, sát thực tế, đảm bảo công bằng, công khai trong phạm vi toàn đơn vị.

Xây dựng quy chế hoạt động, quản lý nội bộ trên tinh thần tự chủ, sáng tạo, trách nhiệm đến mọi cán bộ, công nhân viên.

Quy định trách nhiệm của người quản lý, đứng đầu các đơn vị, phòng ban gắn với kết quả công việc và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tạo cơ chế linh hoạt, chủ động trên cơ sở chất lượng, hiệu quả gắn với thành tích và thu nhập.

Mở rộng phạm vi hoạt động, phát huy ngành dịch vụ có ưu thế cạnh tranh nhằm gây uy tín, thương hiệu cho Công ty.

Cụ thể hóa từng nội dung công việc cho các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất làm căn cứ kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng.

Thường xuyên tuyên truyền, tiếp xúc với các đối tượng khách hàng, nhân dân nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

b. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, khối lượng, ngành nghề sản xuất, kinh doanh:

- Đối với dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố

Để thực hiện các nhiệm vụ, khối lượng, công việc trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn theo yêu cầu đề ra. Hàng quý, hàng tháng tiến hành rà soát, thống kê khối lượng thực tế, dự kiến khối lượng phát sinh mới, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh sát thực tế.

Dự kiến, dự báo các công việc ngoài nhiệm vụ thường xuyên, chủ động trong hoạt động và dịch vụ như: Phục vụ các ngày lễ tết, lễ hội và các ngày trọng đại của Tỉnh và nhà nước, v.v...

- Đối với hoạt động xây lắp

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình khẳng định uy tín, thương hiệu Công ty dựa trên yếu tố chất lượng sản phẩm/dịch vụ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, năng lực tổ chức thực hiện và công tác bảo hành, bảo trì sản phẩm.

Kiểm soát hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 của Giám đốc và các thành viên Ban điều hành ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tập trung nguồn lực cho công tác phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các công trình liên quan đến thể mạnh của Công ty.

- Đối với hoạt động đầu tư

Sau khi mở rộng ngành nghề đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ chú trọng và đẩy mạnh công tác đầu tư dài hạn với đa dạng ngành nghề, nhiều lĩnh vực phong phú nhằm phát triển công ty, xây dựng vị thế doanh nghiệp, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Tập trung đầu tư một số dự án trọng điểm năm 2021, cụ thể:

+ Đầu tư xây dựng nhà trụ sở cơ quan;

+ Quy hoạch điều chỉnh hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Quy hoạch điều chỉnh Công viên Văn Lang thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị liên hợp thể thao Bảo Đà;

+ Quy hoạch và xây dựng nhà tang lễ, công viên nghĩa trang tập trung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Đầu tư xây dựng công viên cảnh quan kết hợp vườn ươm cây xanh, hoa, thảm cỏ;

+ Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Minh Phương;

+ Trình UBND tỉnh giao cho Sở chuyên ngành chủ trì xây dựng lại bộ định mức, đơn giá trong lĩnh vực dịch vụ công ích phù hợp với cơ sở pháp lý hiện hành và tình hình thực tế để làm cơ sở cho việc lập, duyệt hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ công ích cho toàn tỉnh Phú Thọ. Mặt khác hàng năm phê duyệt dự toán sửa chữa thay thế trên cơ sở đó giám sát chất lượng, khối lượng và thanh quyết toán.

- Đối với hoạt động tài chính

Hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro, công nợ tại đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm thiểu các rủi ro tài chính; Giảm chi phí tài chính rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn;

Bảo đảm việc áp dụng thành công, đầy đủ và liên tục các cơ chế, quy chế đã ban hành và hệ thống các quy trình trên nguyên tắc minh bạch, nghĩa vụ giải trình và tính trách nhiệm.

c. Về vốn, tài sản và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Về vốn và tài sản

Huy động nguồn vốn hợp pháp để tăng vốn cho Công ty để chủ động đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ, có hiệu quả tại Công ty như xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, xe hút, xe vận chuyển phế thải v.v...

Tận dụng quỹ đất còn, đất chưa sử dụng vào phục vụ sản xuất và kinh doanh.

Cải tạo và đầu tư vườn ươm cây nhằm chủ động phục vụ đáp ứng yêu cầu thay thế về cây xanh, thảm lá màu trên đường phố và công viên.

**** Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh***

Căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch dịch vụ công ích qua các năm, dịch vụ sản xuất kinh doanh ngoài công ích, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch và triển

khai thực hiện trên cơ sở khoán khối lượng, khoán công việc hoặc giao chỉ tiêu cho phù hợp.

Nghiệm thu, thương thảo, ký kết các hợp đồng dịch vụ công hàng năm và dịch vụ khác theo từng nội dung công việc cụ thể.

Thường xuyên tuyên truyền, quảng cáo, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu công ty trong khu vực.

*** Về lợi nhuận**

Khắc phục lỗ của các năm trước và tiến tới có lãi.

*** Về tiền lương, tiền công và các chế độ khác**

Công ty đảm bảo thực hiện mọi chế độ, quyền lợi theo quy định đối với người lao động như chế độ Bảo hiểm, chế độ độc hại, làm thêm giờ, v.v...

Về tiền lương, tiền công, căn cứ vào khả năng thanh toán khối lượng sản phẩm do nhà nước đặt hàng và Thang bảng lương theo quy định. Công ty xác định và đảm bảo thanh toán chi trả đúng theo quy định của Pháp luật trên tinh thần không ngừng nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

7. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh:

Quá trình đô thị hóa phát triển đi đôi với việc lượng rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt cũng tăng đáng kể; bên cạnh đó ý thức của một số bộ phận người dân còn chưa cao, xả rác bừa bãi, tự ý bỏ rác tại những nơi không được quy định hay trên các bãi đất trống gây ra tình trạng ô nhiễm, mất mỹ quan....

Các khu công nghiệp ngày càng phát triển song song với đó là nhu cầu sử dụng dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp cao nhưng năng lực thu gom của Công ty còn nhiều hạn chế, chưa khai thác được nguồn dịch vụ này.

Thực tế những năm qua cho thấy, Việt Nam nói chung và Phú Thọ nói riêng đang đối mặt và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro về môi trường. Các sự cố môi trường có xu hướng gia tăng và ảnh hưởng trên phạm vi rộng, diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho công tác xử lý và khắc phục hậu quả.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm 2020, doanh thu của công ty tăng 7.9% so với doanh thu năm 2019. Nhưng do ảnh hưởng của nền kinh tế và tình hình dịch bệnh nên giá vốn bán hàng cũng tăng 10% so với năm 2019. Dẫn tới lợi nhuận sau thuế của công ty là: (2.810.545.371)

- Tình hình thực hiện so với cùng kỳ:

Doanh thu thuần năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Giá trị	
		Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.538	79.459
Tổng cộng		73.538	79.459

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì)

Lợi nhuận gộp năm 2019-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.668	4,99%	2.397	3.02%
Tổng cộng		3.717	4,99%	2.397	3.02%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì)

Cơ cấu Chi phí năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	69.870	95,01%	76.980	96.88%
2	Chi phí tài chính	33	0,04%	24	0.03%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.272	5,81%	5.130	6.46%
4	Chi phí khác	46	0,06%	275	0.35%
Tổng cộng		74.221	100,93%	82.409	103.72%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì)

2. Nguyên vật liệu

✦ Nguồn nguyên vật liệu:

Với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp dịch vụ, thì nhân công là nguồn cung cấp dịch vụ chính của Công ty, ngoài ra trong quá trình hoạt động Công ty

cũng sử dụng một số nguồn nguyên liệu trong quá trình hoạt động như sau:

- Đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải: xăng dầu là nguồn nguyên liệu chính để công ty vận hành xe hoạt động thu gom và vận chuyển rác. Trên địa bàn Thành phố Việt Trì, hiện này có nhiều doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nên nguồn nguyên vật liệu là xăng, dầu là luôn có sẵn. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc tìm kiếm nhà cung cấp uy tín, chất lượng. Nhà cung cấp chính của Công ty là: Công ty Xăng Dầu Phú Thọ, Công ty CP Xây Dựng XNK Hồng Dương, v.v...
- Đối với hoạt động duy tu đường trong thành phố: nguồn nguyên liệu chính chủ yếu là các loại vật liệu xây dựng như gạch, sỏi, xi măng.....nhà cung cấp truyền thống và các đối tác là Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tam Đa, Công ty Bê tông và xây dựng Việt Lâm, Công ty TNHH thương mại Tổng hợp Vương Anh, Công ty TNHH Triển Lợi, v.v...
- Đối với hoạt động duy tu cải tạo hệ thống cấp thoát nước đô thị chủ yếu sử dụng là nhân công.

↓ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp này**

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ kinh doanh của Công ty rất phổ biến nên tạo điều kiện thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung cấp ổn định

↓ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn (khoảng 96%), chính vì vậy việc giá cả các nguồn nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua, nền kinh tế cả nước chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng, tác động của lạm phát đã khiến giá nguyên vật liệu như xăng, dầu, điện, vật liệu xây dựng biến động liên tục. Điều này cũng ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, kết quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế các tác động của thị trường nguyên vật liệu đầu vào Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn với nguồn nguyên vật liệu ổn định với một số các đối tác và duy trì hợp đồng lao động thường xuyên với đội ngũ nhân công đáp ứng các điều kiện công việc thường xuyên của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% thay đổi
	<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
1	Tổng giá trị tài sản	38.947.903.657	41.173.882.388	5.7
2	Doanh thu thuần	73.538.171.327	79.377.364.123	7.9
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(632.640.091)	(2.755.563.630)	335
4	Lợi nhuận khác	338.870.339	(54.981.741)	(116)
5	Lợi nhuận trước thuế	(293.769.752)	(2.810.545.371)	(856)
6	Lợi nhuận sau thuế	(293.769.752)	(2.810.545.371)	(856)
7	Tỷ lệ trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.84	1.56	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1.53	2.18	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.30	0.41	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0.42	0.69	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	15.42	32.98	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản/Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1.9	1.98	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.004)	(0.04)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	(0.011)	(0.12)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.01)	(0.07)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần)	(0.01)	(0.03)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 07/12/2005, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3340/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị thực tế doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì.

- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính Phủ, ngày 30/12/2005, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3669/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần Môi trường đô thị Việt Trì thực hiện đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long với tổng số lượng cổ phần chào bán là 192.088 cổ phần, chiếm 22,46% vốn điều lệ, tuy nhiên đợt đấu giá không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham dự.

- Ngày 27/04/2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/4/2006 về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần tại CTCP Môi trường đô thị Việt Trì, theo đó số lượng cổ phần chào bán đấu giá lần thứ 2 được điều chỉnh là 27.912 cổ phần, chiếm 4%/vốn điều lệ, Công ty tiếp tục thực

hiện chào bán đấu giá thông qua Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long, đợt đấu giá bán cổ phần lần 2 không thành công do chứng thư định giá hết hạn.

- Ngày 06/05/2006, CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

- Ngày 23/05/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000397 cho CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì với vốn điều lệ ban đầu là 8.551.760.443 đồng; cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 15/09/2020 với vốn điều lệ là 35.831.402.403 đồng.

- Ngày 28/06/2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1567/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần và duyệt chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí đào tạo lại lao động và giá trị cổ phần mua ưu đãi tại CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, theo đó Công ty tiếp tục được điều chỉnh cơ cấu cổ phần, duyệt chi phí cổ phần hóa, chi phí đào tạo lại và giá trị cổ phần mua ưu đãi.

- Từ năm 2008 đến năm 2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành thêm 05 quyết định về việc điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần tại CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, lý do điều chỉnh:

- Ngày 12/11/2009: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 1.188.000.000 đồng do ngân sách nhà nước cấp để mua sắm 02 xe cuốn ép rác phục vụ hoạt động dịch vụ đô thị; vốn điều lệ sau khi điều chỉnh là 9.448.760.443 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 74,86% vốn điều lệ (*Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 12/11/2009 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).
- Ngày 03/02/2012: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 2.240.142.000 đồng do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện mua sắm và tăng tài sản cố định, tăng nguồn vốn kinh doanh; vốn điều lệ sau khi điều chỉnh là 11.688.902.443 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 79,67% vốn điều lệ (*Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).
- Ngày 27/12/2014: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 3.860.808.500 đồng do ngân sách nhà nước cấp để đầu tư mua sắm tài sản phục vụ hoạt động đô thị, đầu tư mua sắm tăng TSCĐ, tăng vốn kinh doanh; vốn điều lệ

sau khi điều chỉnh là 15.549.710.943 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 84,72% vốn điều lệ (*Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

- Ngày 25/07/2017: vốn điều lệ điều chỉnh thêm 19.621.586.460 đồng do ngân sách nhà nước đầu tư các thiết bị và phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải bao gồm 11 xe vận chuyển rác và 1.000 xe gom rác đẩy tay bằng nguồn vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng ngân sách tỉnh với giá trị quyết toán công trình hoàn thành là: 19.621.586.460 đồng, Công ty đã nhận bàn giao số tài sản trên đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh ghi tăng tài sản, tăng vốn góp của chủ sở hữu; tăng vốn kinh doanh; vốn điều lệ sau khi tăng là 35.171.297.403 đồng và cổ phần nhà nước chiếm 93,25% vốn điều lệ (*Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần*).

- Ngày 15/09/2020, vốn điều lệ điều chỉnh thêm 660.105.000 đồng do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ điều chỉnh theo đó vốn điều lệ của Công ty là 35.831.402.403 đồng; Cơ cấu cổ phần: nhà nước sở hữu 3.345.561 cổ phần, chiếm 93,37%/VĐL (*Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 về việc phê duyệt vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần của CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì*).

- Ngày 16/10/2020, CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 6200/UBCK-GSĐC.

- Ngày 28/10/2020, CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 65/2020/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 3.583.140 cổ phiếu.

- Ngày 30/10/2020, CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 599/QĐ-SGDHN với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 3.583.140 cổ phiếu.

- Ngày 8/02/2021, UBND Tỉnh Phú Thọ đã thực hiện thoái vốn thành công số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì.

6. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Số cổ phần
1	Ông Trần Quang Quân	20/12/1978	Giám đốc	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm 01/7/2020	1.600
2	Ông Phạm Ngọc Thọ	01/10/1960	Giám đốc	Cử nhân luật	Miễn nhiệm 01/7/2020	2.000
2	Ông Hà Ngọc Kiên	12/2/1976	Phó giám đốc	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế		1.000
3	Ông Nguyễn Quang Thùy	01/9/1963	Phó giám đốc	Cử nhân luật, kỹ sư điện		4.400
4	Ông Mai Đình Thảo	31/12/1960	Phó giám đốc	Cử nhân kinh tế	Nghỉ chế độ 31/12/2020	1.800
5	Ông Nguyễn Khánh Phú	03/03/1979	Kế toán trưởng	Thạc sỹ QL Kinh tế		2.500

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Trần Quang Quân	20/12/1978	Giám đốc	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm 1/7/2020

2	Ông Phạm Ngọc Thọ	01/10/1960	Giám đốc	Cử nhân luật	Miễn nhiệm 1/7/2020
4	Ông Mai Đình Thảo	31/12/1960	Phó giám đốc	Cử nhân kinh tế	Nghỉ chế độ 31/12/2020

Số lượng người lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	462	100
1	Trên đại học	6	1.3
2	Đại học, cao đẳng	73	15.8
3	Sơ cấp, trung cấp	74	21.6
4	Lao động phổ thông	309	66.9
II	Phân loại theo giới tính	462	100
1	Nam	159	34,4
2	Nữ	303	65,6

❖ Chính sách đối với người lao động:

Tại Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, nguồn lực con người được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Công ty cũng đã thực hiện triển khai phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao, qua đào tạo đảm bảo hội tụ những yêu cầu về trình độ học vấn, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển, ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực môi trường đô thị.

❖ Chính sách đào tạo:

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ nhân viên hằng năm nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển của nền kinh tế và của Công ty. Đặc biệt, chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên có trình độ cao về kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị, đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho người lao động công khai, minh bạch, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với công ty,

nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến người lao động có chuyên môn giỏi, trình độ cao.

❖ **Chính sách lương, thưởng:**

Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý. Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người.

Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ tiền lương, tiền phép...

Tiền thưởng được thực hiện vào cuối năm. Công ty thưởng cho người lao động theo mức độ hoàn thành công việc của người lao động nhằm khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ (Tùy vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, tính chất đặc thù công việc Công ty sẽ quyết định cụ thể cho từng bộ phận). Ngoài ra căn cứ vào quỹ tiền thưởng hiện có, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và thưởng đột xuất cho người lao động có những thành tích xuất sắc trong công việc được giao.

❖ **Mức lương bình quân của người lao động**

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Lao động bình quân (người)	471	471	472	462
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	3,8	4,7	4,9	5,9

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì)

❖ **Chính sách phúc lợi:**

Công ty luôn thực hiện trang bị đầy đủ dụng cụ an toàn, bảo hộ cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên trong Công ty. Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...), Công ty còn thực hiện mua thêm bảo hiểm thân thể cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên quan tâm đến gia đình của người lao động, như tặng quà, khen thưởng con em người lao động đạt thành tích cao

trong học tập.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, doanh thu của công ty tăng 7.9% so với năm 2019, đạt 79.377.364.123 đồng. Song lợi nhuận sau thuế vẫn âm và bị tăng lỗ so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty hoạt động công ích theo đơn giá thực hiện các dịch vụ từ năm 2017 được UBND Tỉnh phê duyệt khi ký hợp đồng. Năm 2020, đơn giá không đủ bù đắp các chi phí bỏ ra, đồng thời năm 2020 ghi nhận được một phần hợp đồng chỉnh trang đô thị mà chưa có doanh thu tương ứng, dẫn tới doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhưng lợi nhuận vẫn giảm và lỗ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm 2020, lương bình quân của CBCNV đã tăng, đạt 5.900.00 đồng/ người. Đời sống CBCNV đã được cải thiện và yên tâm sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a) Chế độ kế toán

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị: 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn: 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác: 20 năm

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn. Hiện tại công ty không có nợ quá hạn trên 1 năm.

d) Các khoản phải thu, phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020	
		Số phải thu	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
1	Thuế Giá trị gia tăng		3.423.090.519		3.706.549.741
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.388.000	-	5.388.000	-
3	Thuế Nhà đất và tiền thuê đất		335.464.200		829.403.640
4	Các loại thuế khác	42.325.000	54.884.581		277.543.222
	Tổng cộng	47.713.000	3.813.439.300	5.388.000	4.813.496.603

e) Trích lập các Quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty. Theo đó Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty căn cứ trên tình hình thực tế để trình ĐHĐCĐ quyết định.

Năm 2019, 2020 Công ty không thực hiện trích lập các quỹ do Công ty có lợi nhuận âm.

f) Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty còn vay nợ ngân hàng số tiền là: 1.928.544.172 đồng.

g) Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay đến hạn.

h) Tình hình công nợ

Tình hình các khoản Công nợ phải thu, phải trả của Công ty qua các năm như sau:

Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	16.380	23.096
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.616	15.240
	- Trong đó: Các khoản nợ chưa xác định đối tượng (chưa có hồ sơ)	2.019	2.019
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.300	4.766
	- Trong đó: các khoản nợ chưa xác định đối tượng (chưa có hồ sơ)	3.300	4.766
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.464	3.089
	- Trong đó: các khoản nợ chưa xác định đối tượng (chưa có hồ sơ)	207	207
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
TỔNG CỘNG		16.380	23.096

Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
I	Nợ ngắn hạn	11.525	16.813
1	Phải trả người bán ngắn hạn	3.023	5.219
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	0
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.813	3.682
4	Phải trả người lao động	2.924	3.229
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	0	546
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.751	2.206
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.928
II	Nợ dài hạn	-	
TỔNG CỘNG		11.525	16.813

i) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 Công ty không có các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn nào.

j) Hàng tồn kho

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Nguyên liệu, vật liệu	29	0
2	Công cụ, dụng cụ	685	727
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.920	302
4	Thành phẩm	5	0
TỔNG CỘNG		3.639	1.028

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí dùng cho công trình chỉnh trang đô thị năm 2018, 2019 và sửa chữa nghĩa trang trên địa bàn thành phố Việt Trì.

k) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (*)	10.818	10.678
Tổng cộng	10.818	10.678

(*) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận theo Biên bản của Sở Tài chính ngày 11/08/2020 liên quan đến cấp nguồn thi công các công trình và hạng mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Trong đó tài sản tương ứng gồm số dư công nợ “Trả trước cho người bán” là 3.300.376.032 đồng và phân chênh lệch còn lại là các khoản công nợ khác chưa xác định được.

Tài sản

Bảng số 13: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I. Tài sản cố định hữu hình	31.764	15.324	40%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	6.389	3.700	57.9%
2. Máy móc, thiết bị	164	141	86%
3. Phương tiện vận tải	24.633	8.608	34.9%
4. Thiết bị văn phòng	204	-	0%
4. Tài sản cố định khác	374	253	67.6%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	
Tổng cộng	31.764	12.702	40%

* Công ty nhận giữ hộ các tài sản trên theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ. Trong đó, giá trị tài sản nhận giữ trên được ghi nhận theo Biên

bản của Sở Tài chính ngày 11/08/2020 về việc xác định các nội dung liên quan đến chứng thư thẩm định giá khởi điểm để thoái vốn Nhà nước tại Công ty. Theo Biên bản này Sở Tài chính đang đề nghị bàn giao nguyên trạng những tài sản này cho Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì thoái vốn.

✦ Tình hình đất đai, nhà xưởng và tài sản do Công ty sở hữu hoặc đang sử dụng

Bảng 15: Tình hình đất đai, nhà xưởng và tài sản do Công ty sở hữu hoặc đang sử dụng

STT	Địa chỉ đất	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
1	Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	-Hợp đồng thuê số 99/2019/HĐTD ngày 20/09/2019 của UBND Tỉnh Phú Thọ với Công ty - Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR882140 ngày 11/10/2019 thuê đất của UBND tỉnh Phú Thọ - Thời gian thuê 50 năm, trả tiền hàng năm	Cho thuê 1 phần, phần còn lại là làm trụ sở, văn phòng công ty.
2	Phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	- Hợp đồng thuê số 100/2019/HĐTD ngày 20/09/2019 của UBND Tỉnh Phú Thọ với Công ty - Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR882141 ngày 11/10/2019 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR882144 ngày 11/10/2019 - Thuê đất của UBND tỉnh Phú Thọ - Thời gian thuê 49 năm, trả tiền hàng năm	Trụ sở, văn phòng công ty, trồng cây
3	Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	- Hợp đồng thuê số 126/2019/HĐTD ngày 20/09/2019 của UBND Tỉnh Phú Thọ với Công ty - Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT293201 ngày 19/11/2019 - Thuê đất của UBND tỉnh Phú Thọ - Thời gian thuê 50 năm, trả tiền hàng năm	Trụ sở, văn phòng công ty.

Nguồn: CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hiện tại Chủ đầu tư mới thay chủ sở hữu là Nhà nước đã và đang trong quá trình tiếp nhận công ty, đề ra nhiều kế hoạch phát triển ngay từ năm 2021, trong đó có mở rộng hơn lĩnh vực ngành nghề hoạt động, chủ động làm chủ đầu tư các dự án kế hoạch đề xuất với UBND tỉnh Phú Thọ xin phê duyệt chủ trương,...

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần

- Công ty CP Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì đã lập và trình bày Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; cụ thể là Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tất cả các giao dịch đã được chúng tôi ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
- Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã thực hiện điều chỉnh các bút toán trọng yếu vào Báo cáo tài chính của chúng tôi.
- Chúng tôi không có kế hoạch dùng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai.
- Các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được chúng tôi ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.
- Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Tổng Tổng Công ty trên các Báo cáo tài chính.
- Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.
- Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận các khoản công nợ “Phải trả người bán ngắn hạn” và “Phải trả ngắn hạn khác” tại thời điểm 31/12/2020, tuy nhiên chưa thu thập đầy đủ các thư xác nhận này. Chúng tôi khẳng định các số liệu trên các khoản mục có liên quan đều đã được phản ánh đầy đủ và phù hợp với tình hình thực tế và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm với các vấn đề phát sinh liên quan tới các khoản công nợ này.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2020, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng mọi mặt đến đời sống và sản xuất của nhân dân, doanh nghiệp nói chung. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trên các lĩnh vực dịch vụ công ích gồm: Dịch vụ vệ sinh môi trường, duy trì, quản lý cây xanh công viên, quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ, duy tu đường bộ, thoát nước đô thị, v.v...

Doanh thu, nguồn kinh phí năm 2020 chủ yếu do nhà nước đặt hàng theo chỉ tiêu giao trên cơ sở khối lượng công việc.

*** Về vốn và Tài sản:**

- Về vốn điều lệ: Tại thời điểm tháng 9/2020 vốn điều lệ Công ty là: 38.207.402.403 đồng.

Trong đó: - Vốn nhà nước : 35.831.402.403 đồng = 93,37%.

- Vốn cổ đông : 2.376.000.000 đồng = 6,63%.

- Về đất: Công ty quản lý và sử dụng theo hình thức thuê đất 49 năm là 23.176,4m².

- Về lao động tại thời điểm tháng 31/12/2020 là 462 người.

*** Một số thuận lợi và khó khăn:**

+ Thuận lợi

Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Thành ủy, UBND Thành phố, được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của các ngành, các cấp trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Công ty có trên 40 năm bề dày kinh nghiệm trong hoạt động dịch vụ công ích. Đồng thời Công ty có bộ máy quản lý và đội ngũ CBCNV yêu nghề, có kinh nghiệm và luôn đoàn kết gắn bó với Công ty.

Công ty có lợi thế về ngành nghề kinh doanh, không chịu nhiều sự cạnh tranh và có nguồn thu từ đặt hàng ổn định.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty được sự quan tâm của mọi tầng lớp nhân dân, ý thức bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn minh đô thị ngày càng được nâng cao.

Đảng, nhà nước và chính quyền địa phương có nhiều chính sách, quy chế, chế tài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và quản lý đô thị, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động của Công ty.

+ Khó khăn.

Là doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Việt Trì, nhận thức của một bộ phận không nhỏ người dân chưa cao vì vậy ảnh hưởng lớn tới hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đơn giá trong lĩnh vực dịch vụ công ích chưa phù hợp với cơ sở pháp lý hiện hành và tình hình thực tế do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số chế tài liên quan đến quản lý, dịch vụ đô thị chưa cụ thể, ý thức của một số người dân trong công tác bảo vệ môi trường, văn minh đô thị không cao đã ảnh hưởng đến chất lượng quản lý, dịch vụ của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Từ đầu năm 2020 đến 30/6/2020, Ban lãnh đạo Công ty gồm: Hội đồng quản trị 05 đồng chí, Ban kiểm soát 03 đồng chí, Ban giám đốc 04 đồng chí.

- Từ 01/7/2020 đến nay: Ban lãnh đạo Công ty gồm: HĐQT 05 đồng chí, Ban kiểm soát 03 đồng chí, Ban giám đốc 03 đồng chí.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Công tác quản trị, quản lý, tổ chức, lao động:

Quy hoạch và xây dựng đội ngũ kế cận Hội đồng quản trị có năng lực quản trị tốt; thiết lập (các) tiểu ban trực thuộc HĐQT hỗ trợ tối đa công tác tham mưu cho các thành viên HĐQT, thành viên chuyên trách/độc lập.

Trên cơ sở cán bộ công nhân viên hiện trạng, cần sắp xếp, quản lý hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tăng cường giám sát năng lực thực thi nhiệm vụ và năng lực giải trình của Ban điều hành và đội ngũ cán bộ chủ chốt Công ty trong triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành. Công ty tiến hành rà soát lại tính chất công việc của từng ngành, nghề, xây dựng lại định mức đảm bảo phù hợp, sát thực tế, đảm bảo công bằng, công khai trong phạm vi toàn đơn vị.

Xây dựng quy chế hoạt động, quản lý nội bộ trên tinh thần tự chủ, sáng tạo, trách nhiệm đến mọi cán bộ, công nhân viên.

Quy định trách nhiệm của người quản lý, đứng đầu các đơn vị, phòng ban gắn với kết quả công việc và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tạo cơ chế linh hoạt, chủ động trên cơ sở chất lượng, hiệu quả gắn với thành tích và thu nhập.

Mở rộng phạm vi hoạt động, phát huy ngành dịch vụ có ưu thế cạnh tranh nhằm gây uy tín, thương hiệu cho Công ty.

Cụ thể hóa từng nội dung công việc cho các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất làm căn cứ kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng.

Thường xuyên tuyên truyền, tiếp xúc với các đối tượng khách hàng, nhân dân nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

3.2. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, khối lượng, ngành nghề sản xuất, kinh doanh:

- Đối với dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố

Để thực hiện các nhiệm vụ, khối lượng, công việc trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn theo yêu cầu đề ra. Hàng quý, hàng tháng tiến hành rà soát, thống kê khối lượng thực tế, dự kiến khối lượng phát sinh mới, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh sát thực tế.

Dự kiến, dự báo các công việc ngoài nhiệm vụ thường xuyên, chủ động trong hoạt động và dịch vụ như: Phục vụ các ngày lễ tết, lễ hội và các ngày trọng đại của Tỉnh và nhà nước, v.v...

- Đối với hoạt động xây lắp

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình khăng định uy tín, thương hiệu Công ty dựa trên yếu tố chất lượng sản phẩm/dịch vụ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, năng lực tổ chức thực hiện và công tác bảo hành, bảo trì sản phẩm.

Kiểm soát hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 của Giám đốc và các thành viên Ban điều hành ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tập trung nguồn lực cho công tác phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các công trình liên quan đến thể mạnh của Công ty.

- Đối với hoạt động đầu tư

Trong năm 2021, sau khi mở rộng ngành nghề đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ chú trọng và đẩy mạnh công tác đầu tư dài hạn với đa dạng ngành nghề, nhiều lĩnh vực phong phú nhằm phát triển công ty, xây dựng vị thế doanh nghiệp, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Tập trung đầu tư một số dự án trọng điểm năm 2021, cụ thể:

- + Đầu tư xây dựng nhà trụ sở cơ quan;
- + Quy hoạch điều chỉnh hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- + Quy hoạch điều chỉnh Công viên Văn Lang thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- + Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị liên hợp thể thao Bảo Đà;

+ Quy hoạch và xây dựng nhà tang lễ, công viên nghĩa trang tập trung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Đầu tư xây dựng công viên cảnh quan kết hợp vườn ươm cây xanh, hoa, thảm cỏ;

+ Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Minh Phương;

+ Trình UBND tỉnh giao cho Sở chuyên ngành chủ trì xây dựng lại bộ định mức, đơn giá trong lĩnh vực dịch vụ công ích phù hợp với cơ sở pháp lý hiện hành và tình hình thực tế để làm cơ sở cho việc lập, duyệt hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ công ích cho toàn tỉnh Phú Thọ. Mặt khác hàng năm phê duyệt dự toán sửa chữa thay thế trên cơ sở đó giám sát chất lượng, khối lượng và thanh quyết toán.

- Đối với hoạt động tài chính

Hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro, công nợ tại đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm thiểu các rủi ro tài chính; Giảm chi phí tài chính rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn;

Bảo đảm việc áp dụng thành công, đầy đủ và liên tục các cơ chế, quy chế đã ban hành và hệ thống các quy trình trên nguyên tắc minh bạch, nghĩa vụ giải trình và tính trách nhiệm.

3.3. Về vốn, tài sản và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Về vốn và tài sản

Huy động nguồn vốn hợp pháp để tăng vốn cho Công ty để chủ động đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ, có hiệu quả tại Công ty như xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, xe hút, xe vận chuyển phế thải v.v...

Tận dụng quỹ đất còn, đất chưa sử dụng vào phục vụ sản xuất và kinh doanh.

Cải tạo và đầu tư vườn ươm cây nhằm chủ động phục vụ đáp ứng yêu cầu thay thế về cây xanh, thảm lá màu trên đường phố và công viên.

3.4. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch dịch vụ công ích qua các năm, dịch vụ sản xuất kinh doanh ngoài công ích, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trên cơ sở khoán khối lượng, khoán công việc hoặc giao chỉ tiêu cho phù hợp.

Nghiệm thu, thương thảo, ký kết các hợp đồng dịch vụ công hàng năm và dịch vụ khác theo từng nội dung công việc cụ thể.

Thường xuyên tuyên truyền, quảng cáo, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu công ty trong khu vực.

3.5. Về lợi nhuận

Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng nguồn kinh phí được thanh toán trong các hợp đồng dịch vụ.

Công ty báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể trong các kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

3.6. Về tiền lương, tiền công và các chế độ khác

Căn cứ vào các chế độ, chính sách nhà nước ban hành.

Căn cứ vào các quy định cụ thể do HĐQT và Giám đốc Công ty đã ban hành.

Công ty đảm bảo thực hiện mọi chế độ, quyền lợi theo quy định đối với người lao động như chế độ Bảo hiểm, chế độ độc hại, làm thêm giờ, v.v...

Về tiền lương, tiền công, căn cứ vào khả năng thanh toán khối lượng sản phẩm do nhà nước đặt hàng và Thang bảng lương theo quy định. Công ty xác định và đảm bảo thanh toán chi trả đúng theo quy định của Pháp luật trên tinh thần không ngừng nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: Thành viên HĐQT công ty gồm:

- Ông Ngô Minh Phương: Chủ tịch HĐQT; ông Phương không sở hữu cổ phần ở Công ty nhưng là người đại diện hợp pháp phần vốn nhà nước ở Công ty. Chiếm 93,37 % quyền biểu quyết.

- Ông Trần Quang Quân: Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty; sở hữu 1600 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.0446%.

- Ông Hà Ngọc Kiên: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty; sở hữu 1000 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.0279%.

- Ông Nguyễn Quang Thùy: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty; sở hữu 4400 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.123%.

- Ông Lê Hồng Thanh: Thành viên HĐQT - Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật và quản lý dự án; sở hữu 2000 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.0558% - bổ nhiệm ngày 1/7/2020

- Ông Phạm Ngọc Thọ: Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty; sở hữu 2000 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.0558%.- Miễn nhiệm ngày 1/7/2020.

- Ông Mai Đình Thảo: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty; sở hữu 4400 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết là 0.050%. – Miễn nhiệm ngày 1/7/2020.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

- Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết và Quyết định để Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2020.

- Hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành hệ thống cơ chế, quy chế quản trị theo hướng tạo sự chủ động cao trong quản lý. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban giám đốc và Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch HĐQT tổ chức phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực hoạt động của Công ty, tăng cường tính chuyên trách của mỗi thành viên HĐQT trong công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành của Giám đốc và Ban điều hành.

- Chủ tịch HĐQT triệu tập các phiên họp thường kỳ hàng Quý để rà soát, đánh giá hoạt động SXKD toàn Công ty và họp 01 phiên bất thường để tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ, vào ngày 26/6/2020.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát gồm:

- Bà Phan Thị Thanh Hà: Trưởng ban kiểm soát, nhân viên phòng Kế hoạch kỹ thuật và quản lý dự án; số lượng cổ phiếu sở hữu là: 0 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0% - Bổ nhiệm ngày 1/7/2020.

- Bà Nguyễn Thị Diễm Hồng: Thành viên, nhân viên phòng Kế toán tài vụ; số lượng cổ phiếu sở hữu là: 0 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0% - Bổ nhiệm ngày 1/7/2020.

- Ông Đinh Tuấn Anh: Thành viên, nhân viên phòng Kế hoạch kỹ thuật và quản lý dự án; số lượng cổ phiếu sở hữu là: 0 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0% - Bổ nhiệm ngày 1/7/2020.

- Bà Đặng Thị Thu Hiền: Trưởng ban kiểm soát – Phó trưởng phòng kế toán tài vụ; số lượng cổ phiếu sở hữu là: 1000 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0.028% - Miễn nhiệm ngày 1/7/2020.

- Bà Lê Thị Kim Liên: Thành viên ban kiểm soát - Nhân viên phòng Kế toán tài vụ; Số lượng cổ phiếu sở hữu là: 600 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0.017% - Miễn nhiệm ngày 1/7/2020.

- Bà Hoàng Thị Hồng Tuân: Thành viên ban kiểm soát - Nhân viên phòng Thị Trường; Số lượng cổ phiếu sở hữu là: 700 cổ phần; tỷ lệ biểu quyết là 0.020% - Miễn nhiệm ngày 1/7/2020.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Ban kiểm soát đã chú trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực sau:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm qua, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của công ty, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phân tích ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính. Giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện những ý kiến do Ban kiểm soát đưa ra.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động sản xuất kinh doanh chung. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các

khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương năm 2020	Tổng tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2020	Ghi chú
1	Ông Ngô Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	214.480	17.880	
2	Ông Trần Quang Quân	Phó CT HĐQT	183.690	14.304	
3	Ông Nguyễn Quang Thùy	Thành viên HĐQT	191.144	6.258	
4	Ông Hà Ngọc Kiên	Thành viên HĐQT	194.138	6.258	
5	Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	138.438	6.258	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
6	Ông Phạm Ngọc Thọ	Phó CT HĐQT	163.290	8.046	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
7	Ông Mai Đình Thảo	Thành viên HĐQT	162.407	6.258	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
8	Bà Phan Thị Thanh Hà	Trưởng ban KS	95.969	6.258	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
9	Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên ban KS	89.916	4.380	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
10	Bà Nguyễn Thị Diễm Hồng	Thành viên ban KS	64.976	4.380	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
11	Bà Đặng Thị Thu Hiền	Trưởng ban KS	119.008	6.258	Miễn nhiệm ngày

					1/7/2020
12	Bà Lê Thị Kim Liên	Thành viên ban KS	78.181	4.380	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
13	Bà Hoàng Thị Hồng Tuân	Thành viên ban KS	80.534	4.380	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán ngày 25/3/2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Quân